TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 6 – CẦN THƠ** **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **13**/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 11 - 7 - 2025
V/v: Tranh chấp về yêu cầu
không công nhận quan hệ vợ chồng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 – CẦN THƠ, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thủy Lam.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lâm Ngọc Hà.

2. Ông Lê Văn Danh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Trâm - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 6 – Cần Thơ.

Ngày 11 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 6 – Cần Thơ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 02/2025/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 01 năm 2025 về việc *"Tranh chấp về yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 58/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 5 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông **Ngô Quốc V**. Địa chỉ: ấp A, xã N, thành phố Cần Thơ (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt)

- *Bị đơn*: Bà **Sơn Thị N**. Địa chỉ: ấp X, xã H, thành phố Cần Thơ (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 10/12/2024 và biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 04/02/2025, nguyên đơn ông Ngô Quốc V trình bày:

Ông Ngô Quốc V và bà Sơn Thị N quen biết tìm hiểu nhau và được cha mẹ hai bên tổ chức đám cưới vào năm 2003, không có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu chung sống với nhau hạnh phúc và sinh được (một) người con chung tên Ngô Phú L sinh ngày 01/01/2007. Đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, thường xuyên cãi vả với nhau, bà Sơn Thị N bỏ về nhà Cha, mẹ ruột và

ông, bà đã ly thân từ đó cho tới nay, xét thấy không thể hàn gắn về chung sống với nhau nên ông V làm đơn yêu cầu Toà không công nhận ông Ngô Quốc V và bà Sơn Thị N là vợ chồng.

Về con chung: Ông V xin được nuôi con, ông V không yêu cầu bà Sơn Thị N cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu giải quyết.

Do đó, theo đơn khởi kiện ông Ngô Quốc V yêu cầu Tòa án giải quyết:

Về hôn nhân: Yêu cầu Tòa án không công nhận ông Ngô Quốc V và bà Sơn Thị N là vợ chồng.

Về con chung: Ông Ngô Quốc V yêu cầu được nuôi cháu Ngô Phú L, sinh ngày 01/01/2007 đế tuổi trưởng thành, không yêu cầu bà Sơn Thị N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 04/02/2025 ông Ngô Quốc V thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể:

Về con chung: Hiện nay cháu Ngô Phú L, sinh ngày 01/01/2007 đã trưởng thành và có khả năng lao động nên ông không yêu cầu Toà án giải quyết.

Đối với bị đơn bà Sơn Thị N: Tòa án đã thực hiện tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án cho bà Sơn Thị N, nhưng từ khi Tòa án thụ lý vụ án cho đến nay, bà Sơn Thị N vắng mặt, không tham gia tố tụng, không gửi cho Tòa án văn bản ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Theo đơn khởi kiện đề ngày 10/12/2024 nguyên đơn ông Ngô Quốc V khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận ông và bà Sơn Thị N là vợ chồng; Về con chung: Ông yêu cầu được nuôi cháu Ngô Phú L, sinh ngày 01/01/2007 đế tuổi trưởng thành, không yêu cầu bà Sơn Thị N cấp dưỡng nuôi con. Do đó, Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng đã thụ lý vụ án xác định quan hệ pháp luật giải quyết "Tranh chấp về yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng và tranh chấp nuôi con" là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Tuy nhiên, tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 04/02/2025 thì ông Ngô Quốc V đã xin thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện về phần con chung, cụ thể do cháu Ngô Phú L, sinh ngày 01/01/2007 đã đủ tuổi trưởng thành và có khả năng lao động nên ông không yêu cầu Toà án xem xét, giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử xác định lại quan hệ pháp luật để giải quyết trong vụ án là "Tranh chấp về yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng"

[2] Nguyên đơn ông Ngô Quốc V có đơn yêu cầu Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, quyết định tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn.

[3] Đối với bị đơn bà Sơn Thị N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, quyết định tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Về nội dung:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Theo nguyên đơn ông Ngô Quốc V trình bày thì ông và bà Sơn Thị Na Ka chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 2003 nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Việc ông Ngô Quốc V không có đăng ký kết hôn với bà Sơn Thị N đã được Ủy ban nhân dân xã An Hiệp, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng xác nhận tại giấy xác nhận số 27/XN-HT ngày 04/12/2024.

Như vậy, ông Ngô Quốc V và bà Sơn Thị N có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật nhưng không đăng ký kết hôn nên quan hệ hôn nhân của ông, bà không được pháp luật công nhận. Trong quá trình chung sống, giữa ông Ngô Quốc V và bà Sơn Thị N phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hoà hợp, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, thường xuyên cải nhau nên cả hai đã không còn chung sống từ năm 2017 cho đến nay. Do đó, ông Ngô Quốc V yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận ông và bà Sơn Thị N là vợ chồng. Đối với bị đơn bà Sơn Thị N thì Toà án đã thực hiện cấp, tống đạt, thông báo hợp lệ các văn tố tụng của Toà án cho bà Sơn Thị N nhưng từ khi Toà án thụ lý vụ án cho đến nay bà Sơn Thị N không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của ông Ngô Quốc V. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Ngô Quốc V.

[2] Về con chung: Ông Ngô Quốc V và bà Sơn Thị N có 01 con chung tên Ngô Phú L, sinh ngày 01/01/2007 đã đủ tuổi trưởng thành và có khả năng lao động nên ông Ngô Quốc V không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[3] Về tài sản chung: Ông Ngô Quốc V tự trình bày là không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[4] Về nợ chung: Ông Ngô Quốc V tự trình bày là không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí sơ thẩm: Ông Ngô Quốc V phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm số tiền 300.000 đồng theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273, Điều 278, Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2025); căn cứ các Điều 14, 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Ngô Quốc V.

- Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận ông Ngô Quốc V và bà Sơn Thị N là vợ chồng.

- Về con chung: Ông Ngô Quốc V và bà Sơn Thị N có 01 con chung tên Ngô Phú L, sinh ngày 01/01/2007 đã đủ tuổi trưởng thành và có khả năng lao động nên ông Ngô Quốc V không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

- Về tài sản chung: Ông Ngô Quốc V tự trình bày là không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

- Về nợ chung: Ông Ngô Quốc V tự trình bày là không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

- Án phí hôn nhân sơ thẩm: Ông Ngô Quốc V phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*), theo biên lai thu tiền số 0005871 ngày 12 tháng 12 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng (Nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 6 – Cần Thơ); Như vậy, ông Ngô Quốc V đã nộp đủ án phí hôn nhân sơ thẩm. Bà Sơn Thị N không phải chịu án phí sơ thẩm.

Báo các đương sự biết, án xử sơ thẩm công khai có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày họ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết) để xin Tòa án cấp trên xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND thành phố Cần Thơ;
- VKSND Khu vực 6 – Cần Thơ;
- Phòng THADS Khu vực 6 – Cần Thơ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thủy Lam